

Ý THỨC CỘNG ĐỒNG, Ý THỨC DÂN TỘC VÀ Ý THỨC QUỐC GIA

Vũ Dũng

Viện Tâm lý học.

Khi nghiên cứu các đặc điểm tâm lý dân tộc chúng ta không thể không nói tới các vấn đề *ý thức cộng đồng, ý thức dân tộc và ý thức quốc gia*. Ba vấn đề này luôn nằm trong mối liên hệ biện chứng với nhau và ảnh hưởng đến đời sống xã hội của địa phương, cũng như của quốc gia. Nói cách khác, chúng tác động tương hỗ và ảnh hưởng lẫn nhau. Tùy theo thời điểm, hoàn cảnh, đặc điểm của mỗi dân tộc mà ý thức nào thể hiện nổi trội hơn và được quan tâm hơn.

Ý thức cộng đồng, ý thức dân tộc và ý thức quốc gia được hiểu là sự nhận thức tích cực của chủ thể về cộng đồng, dân tộc, quốc gia và được biểu hiện bằng thái độ và hành động mà cá nhân nhận thấy cần phải có đối với cộng đồng, dân tộc, quốc gia của mình. Ý thức cộng đồng, ý thức dân tộc và ý thức quốc gia là ý thức về nhóm ở ba cấp độ khác nhau.

1. Ý thức cộng đồng

Có một điểm cần được chú ý khi dùng khái niệm cộng đồng là cộng đồng là khái niệm mở. Cộng đồng có thể hiểu là một nhóm xã hội nhỏ (cộng đồng dòng họ), một nhóm xã hội lớn (cộng đồng làng xã, buôn làng), nhóm xã hội rất lớn (cộng đồng một dân tộc, cộng đồng một tộc người). Ở đây chúng tôi chỉ tìm hiểu cộng đồng ở cấp độ nhỏ: cộng đồng dòng họ và cộng đồng làng xã, buôn làng.

Trong cộng đồng, các cá nhân có những mối liên hệ và phối hợp hành động với nhau trực tiếp hơn. Sự ảnh hưởng giữa các cá nhân với nhau cũng rõ nét hơn. Khái niệm cộng đồng trong nghiên cứu này là các thôn, buôn, ấp... và ở các đô thị là các tổ dân phố.

Đối với xã hội Việt Nam mà gần 80% dân số là cư dân nông nghiệp, sống ở nông thôn thì cộng đồng có đặc điểm rất riêng và có ý nghĩa lớn đối với cuộc sống của người dân.

So với dân tộc và quốc gia thì cộng đồng là nhóm gần các cá nhân nhất. Trong cộng đồng các mối quan hệ có tính trực tiếp hơn, sự phối hợp hành động trực tiếp hơn. *Ý thức cộng đồng là ý thức về nhóm chúng ta* - những suy nghĩ tích cực của cá nhân về nhóm chúng ta, những thái độ và hành vi cho nhóm, vì lợi ích của nhóm chúng ta.

Khi nói tới ý thức cộng đồng của một dân tộc là nói tới hai khía cạnh: *Cộng đồng cư dân* và *cộng đồng dòng họ*. Hai cộng đồng này đều có ý nghĩa quan trọng đối với các thành viên của một dân tộc.

1.1. Cộng đồng cư dân

Trong lịch sử dân tộc ta, cộng đồng cư dân (cộng đồng làng xã) có vai trò to lớn đối với mỗi gia đình và cá nhân. Trong xã hội phong kiến, cộng đồng làng xã có tính độc lập tương đối. Một số nhà nghiên cứu gọi đây là một cát cứ, một “quốc gia nửa tự trị”. Sở dĩ cộng đồng làng xã được gọi như vậy là do một số đặc điểm sau:

Cộng đồng làng ngoài việc thực hiện các luật pháp của nhà nước phong kiến, nó còn một hệ thống chuẩn mực riêng, rất chặt chẽ và có vai trò to lớn trong việc điều chỉnh hành vi của các thành viên trong cộng đồng, nó được ghi trong các hương ước của làng. Ở khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ các chuẩn mực cộng đồng này được gọi là *lệ làng*, ở Tây Nguyên nó được gọi là *luật tục*.

Cách thức tổ chức cộng đồng dân cư ở các dân tộc khác nhau, thuộc các khu vực khác nhau cũng có những điểm khác nhau.

Cộng đồng dân cư của người Việt - dân tộc Kinh (thường gọi là cộng đồng làng xã) được bao bọc bởi lũy tre làng. Trong xã hội cũ đó là cộng đồng tương đối khép kín. Sự khép kín này do nền sản xuất mang tính chất tự cung, tự cấp cao và thương nghiệp không phát triển qui định. Làng xã với tư cách là một hệ thống nửa tự trị và nó tất yếu phải có tài sản riêng, sở hữu riêng và tài sản này chính là công điền công thổ. Trong xã hội phong kiến, nhà nước chỉ quản lý tới làng, còn làng trực tiếp quản lý các thành viên trong cộng đồng của mình. Làng là khâu trung gian giữa nhà nước và mỗi người dân.

Mỗi làng có hương ước riêng. Hương ước ảnh hưởng tới việc định hướng hành vi và thực hiện hành vi của các thành viên trong cộng đồng. Nhiều khi các chuẩn mực này của cộng đồng còn ảnh hưởng lớn hơn cả luật pháp của nhà nước (“phép vua thua lệ làng”). Bản hương ước qui định quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ và cách thức ứng xử của các thành viên trong cộng đồng. Với việc thực hiện hương ước và cách thức tổ chức của cộng đồng làng đã hình thành nên *ý thức trách nhiệm* của mỗi thành viên đối với cộng đồng làng và qua đây hình thành nên *ý thức về chúng ta, tình cảm chúng ta* - ý thức cộng đồng và tình cảm cộng đồng của các thành viên đối với cộng đồng của mình.

Sự tổ chức cộng đồng làng xã có những nét riêng nhất định đối với các khu vực khác nhau tùy thuộc vào phong tục, tập quán và văn hoá nói chung của các dân tộc.

Ở khu vực miền núi phía Bắc, cách thức tổ chức *cộng đồng dân cư của các dân tộc thiểu số* có những nét riêng. Bản làng của các dân tộc thiểu số ở khu vực Tây Bắc là cộng đồng của những dòng họ thuộc một hoặc hai, ba dân tộc cùng cư trú. Mỗi bản có một ranh giới rõ rệt được qui định cụ thể bằng văn bản hay truyền miệng. Nhiều bản chỉ có một dân tộc sinh sống, có những bản có một vài dân tộc sinh sống.

Ở những bản chỉ có một dân tộc sinh sống thì tinh thần cộng đồng có những nét khác với những bản có đa dân tộc sinh sống. Họ dễ hoà nhập với nhau hơn, tinh thần giúp đỡ và tương trợ nhau dễ dàng hơn vì các thành viên có cùng một dòng họ hay cùng một dân tộc (cùng ngôn ngữ, cùng phong tục tập quán...).

Các dân tộc khác nhau thì cách tổ chức cộng đồng làng bản cũng có những điểm khác nhau nhất định. Chẳng hạn, đối với dân tộc Thái đơn vị định cư nhỏ nhất gọi là bản (một số nơi gọi là chòm, xóm). Mỗi bản có tên gọi riêng theo truyền thuyết địa phương. Mỗi bản có từ 40 - 50 nóc nhà, có bản đến 100 nóc nhà. Mỗi bản có ranh giới cụ thể, có khu rừng, ruộng, đất bãi thả trâu bò, rừng cấm, bãi tha ma, và nguồn nước riêng. Những yếu tố này cùng là một cơ sở quan trọng để tạo nên tính cộng đồng của các thành viên trong bản.

Đối với các dân tộc như: Hmông, La ha, Mảng, Giáy các bản ở vùng cao và có quy mô nhỏ hơn các bản của dân tộc Thái. Mỗi bản chỉ có 3 đến 4 dòng họ, thậm chí chỉ có 1 đến 2 dòng họ. Quy mô mỗi bản chỉ có từ 15 đến 20 hộ gia đình với 14 đến 16 nóc nhà (có nóc nhà có 2 đến 3 hộ cùng sinh sống).

Đối với các dân tộc thiểu số Tây Bắc, cộng đồng bản làng là nơi cộng sinh (cùng sinh sống), cộng cảm (tình cảm chúng ta) và cộng mệnh (cùng chung số mệnh) của mỗi gia đình, mỗi dòng họ và của dân tộc.

Đối với dân tộc Việt ở đồng bằng hay các dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi, cộng đồng luôn luôn đóng vai trò quan trọng đối với việc chống giặc ngoại xâm, chống thiên tai bão lụt, và đối với cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của người dân. Với tinh thần “lá lành đùm lá rách”, tắt lửa tối đèn có nhau, giúp đỡ nhau lúc khó khăn, ốm đau, trong các công việc lớn như cưới xin, ma chay, làm nhà, giỗ chạp...

1.2. Cộng đồng dòng họ

Nếu so với cộng đồng làng xã (cộng đồng dân cư) thì cộng đồng dòng họ có ý nghĩa quan trọng hơn đối với các gia đình và mỗi cá nhân. Vì trong cộng đồng này các thành viên gần gũi nhau hơn, quan hệ với nhau trực tiếp hơn, sự hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau lớn hơn nhiều so với cộng đồng làng xã.

Trong tâm thức của người Việt Nam, nhất là người nông dân luôn luôn hiện diện một suy nghĩ “Chim có tổ, người có tông”. Tình cảm dòng họ là tình cảm thiêng liêng và tự nhiên, nảy sinh từ mối quan hệ máu thịt. Do vậy, cách ứng xử giữa các thành viên trong cộng đồng dòng họ khác với tình cảm trong cộng đồng làng xã. Vì nếu tình cảm trong cộng đồng làng xã là tình cảm chúng ta thì tình cảm trong cộng đồng dòng họ là *tình cảm chúng tôi*. Người ta quan niệm “Một giọt máu đào còn hơn ao nước lã”. Cộng đồng dòng họ vừa là chỗ dựa về vật chất và chỗ dựa tinh thần của mỗi cá nhân trong dòng họ. Trong dòng họ người ta không cảm thấy bị đứt đoạn với các tiền nhân, với cội nguồn và không cảm thấy bị cô đơn trong xã hội và cuộc đời.

Những người trong cùng một dòng họ thường có chung một niềm tự hào, niềm vinh dự về dòng họ của mình, cũng như luôn chia sẻ với nhau những niềm vui và nỗi buồn. Họ tự hào về dòng họ mình to lớn, có nhiều người đỗ đạt cao trong thi cử, thăng tiến trên con đường công danh, có vị trí cao trong xã hội. Người xưa quan niệm “Một người làm quan cả họ được nhờ” nên trong dòng họ càng có nhiều người làm quan to thì các thành viên trong dòng họ càng được nhờ cậy. Khi có ai đó làm mất thanh danh của dòng họ thì không chỉ có lỗi với những người đang sống, mà còn có tội với tổ tông.

Tình cảm dòng họ đã trở thành một yếu tố điều chỉnh hành vi của mỗi cá nhân. Các cá nhân trong ứng xử thường quan tâm hơn đến những người trong họ. Cái mà các nhà tâm lý học gọi là sự thiên vị với nhóm nội. Tình cảm dòng họ, huyết thống là yếu tố quan trọng tạo nên sự cố kết, tinh thần tương thân tương ái giữa các thành viên trong một dòng họ. Trong những lúc khó khăn nhất, trong lúc làm các công việc lớn của gia đình (cưới xin, ma chay, làm nhà, ốm đau...) trước hết người ta nhờ sự giúp đỡ của dòng họ. Đây là cộng đồng có sự cố kết, đồng cảm và hợp tác cao nhất của các dân tộc.

Truyền thống tốt đẹp của dòng họ là động lực thôi thúc sự phấn đấu và ảnh hưởng lớn đến sự phát triển nhân cách của các thành viên. Nó trở thành sự trăn trở, suy nghĩ và hành động của các cá nhân để giữ gìn thanh danh và làm vẻ vang hơn cho dòng họ mình.

Chúng ta hãy tìm hiểu về vai trò của dòng họ của một số dân tộc thiểu số ở nước ta. Đối với các dân tộc, dòng họ luôn có vai trò to lớn và không thể thiếu được, thì với các dân tộc thiểu số dòng họ càng có vai trò to lớn hơn. Sở dĩ như vậy vì so với dân tộc Kinh cuộc sống của nhiều dân tộc thiểu số còn khó khăn hơn. Khi cuộc sống còn nhiều khó khăn thì sự đùm bọc giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng dòng họ là rất cần thiết. Những đặc điểm tâm lý của cộng đồng dòng họ còn bị qui định bởi môi trường thiên nhiên mà dân tộc đó sinh sống, cách thức tổ chức sản xuất, tính cách dân tộc, phong tục tập quán của dân tộc...

Chúng ta hãy phân tích cộng đồng dòng họ ở tộc người Dao và Hmông ở khu vực phía Bắc nước ta để thấy được sự cố kết và đặc thù của cộng đồng dòng họ của các dân tộc này.

Tính cộng đồng của người Dao được thể hiện rõ nét qua tình cảm và tập quán quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, trong dòng họ. Nhờ có các quan hệ này mà mỗi người Dao từ khi sinh ra cho đến khi trưởng thành đều được sự quan tâm của gia đình và cộng đồng dòng họ. Chính điều này đã làm cho trong quá trình sống và trưởng thành của mỗi người Dao hình thành nên một nét tính cách - tính cách sống dựa vào cộng đồng, muốn được cộng đồng quan tâm giúp đỡ, không muốn xa rời cộng đồng...

Về cộng đồng dòng họ của người Hmông. Ở người Hmông dòng họ có một vị trí vô cùng quan trọng. Đó là yếu tố cốt lõi cấu thành dòng họ của người Hmông và thể hiện bản sắc của dân tộc này. Dòng họ là nền tảng của xã hội Hmông truyền thống và chi phối mọi hoạt động trong đời sống hàng ngày của cả cộng đồng (Vương Duy Quang, 2005). Dân tộc Hmông ở Việt Nam có khoảng hơn 20 dòng họ. Đó là các dòng họ: Vàng, Giàng, Sùng, Ly, Thào, Mùa, Cháng, Lù, Vừ, Vi, Hờ, Hạng, Dinh, Cứ, Hâu... Khái niệm dòng họ và cộng đồng dòng họ của người Hmông có nét khác với một số dân tộc khác. Khái niệm này rộng hơn.

Dòng họ của người Hmông gồm những người Hmông thuộc các thế hệ khác nhau sinh ra từ một ông tổ và vợ con của họ. Theo hình tượng của người Hmông thì cộng đồng dòng họ là những người có “cùng một cây người”. Nếu xét theo lễ nghi tín ngưỡng chúng ta mới hiểu được phạm vi cộng đồng dòng họ của người Hmông. Theo quan niệm của người Hmông, cộng đồng dòng họ phải là các thành viên có chung một tín hiệu thể hiện qua tín ngưỡng tôn giáo - đó là có “*cùng ma*”(thôngx đangz). Dấu hiệu cùng ma là đặc trưng vô cùng quan trọng của dòng họ người Hmông. Đây là yếu tố duy nhất để phân biệt dòng họ này với dòng họ khác, đây cũng là nền tảng cơ bản tạo nên sự cố kết bền vững của cộng đồng dòng họ ở dân tộc Hmông.

1.3. Hạn chế của cộng đồng dòng họ và cộng đồng làng xã

Từ sự phân tích trên về cộng đồng dòng họ của các dân tộc ở nước ta, chúng ta thấy dòng họ có ý nghĩa và vai trò rất to lớn về cả đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần đối với các thành viên. Bên cạnh mặt tích cực trên, cộng đồng dòng họ xét theo mối quan hệ với cộng đồng làng xã (thôn bản, buôn làng) cũng có những mặt hạn chế. Do tình cảm huyết thống, tình cảm dòng họ đã tạo nên tư tưởng hẹp hòi, cục bộ trong nhìn nhận và ứng xử trong cộng đồng làng xã. Trong quan hệ với các thành viên khác của cộng đồng làng xã người ta trước hết thường hay nghĩ đến “tình cảm chúng tôi”, nghĩ về lợi ích dòng họ mình trước. Điều này sẽ dẫn tới sự thiên vị, đố kỵ ganh ghét và có thể dẫn tới xung đột giữa dòng họ này với dòng họ khác trong cộng đồng làng xã.

Xét từ góc độ của cộng đồng làng xã, bên cạnh những mặt tích cực, cộng đồng cũng có những ảnh hưởng tiêu cực đến các cá nhân. Trong suốt một thời gian dài, cộng đồng là nơi hình thành và duy trì tư tưởng bình quân chủ nghĩa, tư tưởng cào bằng. Do vậy, nó hạn chế sự phát triển năng lực, sáng tạo của các cá nhân. Người ta chỉ chú ý nhiều đến nhu cầu tập thể, lợi ích của tập thể, xem nhẹ nhu cầu và lợi ích của các thành viên cộng đồng. Điều này làm cho các cá nhân bị tan vào trong cộng đồng, *cái tôi* của các cá nhân bị che khuất sau *cái chúng ta*. Cộng đồng làng xã cũng là nơi duy trì các tập tục, luật tục hà khắc đối với các thành viên. Ví dụ, phụ nữ trong làng bị chữa hoảng thì bị buộc bè trôi sông. Cộng đồng làng xã cũng luôn tạo nên một dư luận mạnh mẽ và khắt khe với những hành vi vi phạm các chuẩn mực của cộng đồng.

2. Ý thức dân tộc

Nếu ý thức cộng đồng là ý thức về nhóm chúng ta thì ý thức dân tộc là ý thức về nhóm dân tộc chúng ta. Tức là ý thức chúng ta này ở một phạm vi rộng hơn. Do dân tộc là nhóm xã hội lớn, nên giao tiếp giữa các thành viên của nhóm mang tính gián tiếp hơn. Sự ảnh hưởng của dân tộc đến các thành viên ít hơn, gián tiếp hơn sự ảnh hưởng của cộng đồng đến các cá nhân.

Khi định nghĩa về dân tộc các nhà tâm lý học cho rằng dân tộc là một cộng đồng tâm lý, trong đó ý thức dân tộc là một thành tố quan trọng. Nó giúp cho các thành viên có được nhận thức mình là một phần của cái “chúng ta” và họ luôn tìm được chỗ dựa cho cuộc sống của mình trong cộng đồng đó. Không phải ngẫu nhiên mà những người sáng lập ra Tâm lý học dân tộc đã cho rằng: “Dân tộc là tập hợp của những người mà những người ấy luôn tự xếp mình vào tập hợp đó”. Với định nghĩa này cho thấy ý thức dân tộc là tiêu chí quan trọng nhất để xác định một dân tộc. Nó cũng là yếu tố quan trọng nhất của sự tồn tại và phát triển của một dân tộc. Điều này đúng với cả một dân tộc với nghĩa là một quốc gia hay dân tộc với ý nghĩa là một tộc người.

Ý thức dân tộc là ý thức về cộng đồng của mình, mà mình luôn luôn thuộc về cộng đồng đó. Cá nhân phải có trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ cộng đồng dân tộc của mình để nó tồn tại và không bị tan biến vào cộng đồng dân tộc khác.

Ý thức dân tộc được thể hiện rõ khi các thành viên của dân tộc giao tiếp với dân tộc khác, khi lợi ích và sự tồn tại của dân tộc bị đe dọa (khi dân tộc đứng trước sự xâm lăng của một dân tộc khác hay đứng trước các thảm hoạ thiên nhiên).

Có thể nói, ý thức dân tộc là một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu để đảm bảo cho sự trường tồn của một dân tộc. Khi một dân tộc còn hiện diện ý thức dân tộc ở các thành viên thì dân tộc đó còn tồn tại. Trái lại, khi mà các thành viên không còn ý thức dân tộc thì dân tộc đó bị dân tộc khác đồng

hoá. Một số minh chứng sinh động cho vấn đề này là dân tộc Việt Nam bị phong kiến Trung Hoa đô hộ một ngàn năm. Song dân tộc ta vẫn tồn tại, mà không bị đồng hoá, không bị biến mất. Sự đô hộ của Pháp gần một thế kỷ và sự xâm lược của Mỹ hơn 20 năm với tất cả sức mạnh của mình, song Pháp và Mỹ cũng không khuất phục được dân tộc ta. Chúng ta đã chiến thắng. Dân tộc Việt Nam vẫn tồn tại và phát triển.

Ý thức dân tộc không chỉ thể hiện trong việc bảo vệ sự tồn tại của một dân tộc, mà còn thể hiện khi mà dân tộc đứng trước các thảm họa thiên nhiên - khi mà tính mạng và lợi ích của dân tộc bị đe dọa. Trong lịch sử của dân tộc ta đã và sẽ luôn tồn tại một đạo lý, một tinh thần “lá lành đùm lá rách”, “Nhiều điều phũ phàng giá gương. Người trong một nước phải thương nhau cùng”. Tinh thần này xuất hiện trong khi đất nước bị bão lụt, hạn hán. Khi đó tinh thần tương thân, tương ái của dân tộc được thể hiện rõ nét. Tinh thần và ý thức dân tộc mang tính nhân văn này thể hiện cả ở trong cộng đồng dân tộc thành viên (tộc người) và trong cộng đồng dân tộc mang tính quốc gia (dân tộc Việt Nam).

Ý thức dân tộc cũng được thể hiện khi các cá nhân ý thức về cội nguồn, về bản sắc của dân tộc mình. Ở đây, ý thức dân tộc thể hiện như niềm tự hào dân tộc. Việt Nam có 54 dân tộc (tộc người), trong đó dân tộc Kinh chiếm đa số. Mỗi dân tộc có một bản sắc văn hoá riêng. Văn hoá của các dân tộc thành phần tạo thành bản sắc văn hoá chung của dân tộc Việt Nam. Trong lịch sử dân tộc, các dân tộc thành viên luôn có ý thức bảo lưu và phát triển văn hoá của mình. Bản sắc văn hoá của các dân tộc thể hiện qua nhiều khía cạnh như: trang phục, nhà ở, lễ hội, ngôn ngữ, văn học nghệ thuật. Nếu phân tích trang phục của các dân tộc ta thấy mỗi dân tộc thiểu số có một loại trang phục riêng, đặc biệt trang phục của phụ nữ. Chúng khác nhau về hoa văn, về hình thức, về cách ăn mặc và cả những yếu tố trang trí kèm theo. Chúng ta thấy trang phục của phụ nữ các dân tộc bản địa Tây Nguyên khác với trang phục của phụ nữ các dân tộc thiểu số phía Bắc, khác với trang phục của phụ nữ Khơ me Nam Bộ và khác với trang phục của phụ nữ Chăm ở vùng Bình Thuận, Ninh Thuận và An Giang.

Ý thức giữ gìn bản sắc riêng của dân tộc mình là sự phản ánh ý thức dân tộc. Vì việc giữ gìn bản sắc riêng là ý thức khẳng định sự tồn tại của một dân tộc, để khẳng định dân tộc đó không bị đồng nhất bởi dân tộc khác.

Có thể nói, khi chúng ta nói tới ý thức dân tộc thực tế là chúng ta nói tới *tự ý thức dân tộc*. Như đã phân tích ở trên, tự ý thức dân tộc là đặc trưng quan trọng nhất để xác định về một dân tộc. Tự ý thức dân tộc là cơ sở để mỗi thành viên xác định cho mình cách thức ứng xử và hành động trong quan hệ của cộng đồng, cũng như trong quan hệ với các dân tộc khác. Tự ý thức dân tộc được thể hiện qua nhiều khía cạnh khác nhau của đời sống các dân tộc.

3. Ý thức quốc gia

So với hai nhóm xã hội trên thì quốc gia là nhóm xã hội lớn nhất (một quốc gia có thể có nhiều dân tộc, trong đó có một dân tộc đa số và các dân tộc thiểu số). *Ý thức quốc gia là ý thức về đất nước mình* và được thể hiện rõ nhất qua tình yêu đất nước, lòng tự hào đất nước và tinh thần sẵn sàng hy sinh khi đất nước đứng trước các nguy cơ đe dọa (khủng hoảng kinh tế, chính trị, thiên tai, sự xâm lược của kẻ thù...). Khi chúng ta nói tôi là người con dòng họ Nguyễn hay họ Vũ thì đó là ý thức về cộng đồng dòng họ, khi chúng ta nói tôi là người con của dân tộc Việt (Kinh) hay dân tộc Thái, Êđê, Gia rai... thì đó là ý thức dân tộc. Khi chúng ta nói tôi là người con của nước Việt Nam, tôi là một người Việt Nam thì đó là ý thức quốc gia. Ý thức quốc gia ở đây cũng có thể gọi là ý thức dân tộc, khi quốc gia được xem là một dân tộc. Ví dụ, ý thức của dân tộc Việt Nam.

Nếu ý thức tộc người như là một nhân tố có tính quyết định đối với sự tồn tại của một tộc người thì ý thức quốc gia là nhân tố có ý nghĩa hàng đầu đối với sự tồn tại của một quốc gia (dân tộc). Trong ý thức quốc gia bao gồm cả ý thức về lãnh thổ của quốc gia mình.

Như ở trên đã phân tích, trải qua ngàn năm đô hộ của phong kiến Trung Hoa, qua hàng thế kỷ đô hộ của thực dân Pháp và qua mấy thập kỷ xâm lược của Mỹ dân tộc ta vẫn tồn tại, đứng vững và phát triển. Đó trước hết là nhờ vào ý thức quốc gia (ý thức về dân tộc Việt Nam). Ý thức quốc gia là động lực để chúng ta đứng lên chiến đấu chống lại sự xâm lược của kẻ thù, đảm bảo sự tồn tại của dân tộc ta. Ý thức quốc gia khẳng định sự hiện diện của một dân tộc (trong dân tộc đó có nhiều dân tộc thành phần) trong cộng đồng thế giới.

Điều đáng nói là khi lợi ích của một quốc gia bị đe dọa, trước hết là lãnh thổ, biên giới, độc lập dân tộc... thì ý thức quốc gia ở mỗi dân tộc trong cộng đồng quốc gia đó trở dậy và hợp lại thành ý thức chung - ý thức của cả dân tộc (quốc gia), trở thành sức mạnh vật chất và tinh thần để chống lại kẻ thù và bảo vệ đất nước. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ của chúng ta, các dân tộc từ tỉnh phía Bắc đến các dân tộc ở khu vực miền Trung và miền Nam đều đồng sức, đồng lòng chiến đấu và hy sinh cho độc lập dân tộc. Khi đó lợi ích của quốc gia được đặt lên trên lợi ích của gia đình, dòng họ và dân tộc của mình.

Ý thức quốc gia không chỉ thể hiện qua các cuộc chiến đấu chống ngoại xâm, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, mà còn thể hiện trong công cuộc xây dựng đất nước, bảo tồn văn hoá dân tộc. Phát triển kinh tế để khẳng định vị thế của một quốc gia (dân tộc) trên trường quốc tế là sự thể hiện về ý thức quốc gia của một dân tộc.

Ý thức quốc gia luôn luôn đi cùng với tinh thần tự hào dân tộc, tinh thần tự cường dân tộc. Cũng như ý thức dân tộc, ý thức quốc gia còn thể hiện qua việc giữ gìn và bảo lưu bản sắc văn hoá của một đất nước. Bản sắc văn hoá của các dân tộc tạo thành bản sắc văn hoá của một quốc gia. Trong khi các dân tộc giữ gìn và phát triển văn hoá của dân tộc mình thì đồng thời họ cũng giữ gìn và phát triển bản sắc văn hoá của đất nước.

Điều đáng quan tâm là văn hoá của mỗi dân tộc cũng như văn hoá của đất nước luôn luôn đứng trước những thách thức to lớn do sự hoà nhập văn hoá giữa các nền văn hoá khác nhau. Trong quá trình hoà nhập văn hoá luôn diễn ra các xu hướng hoặc là chấp nhận hoặc là phản đối, kỳ thị nền văn hoá mới. Đã có thời kỳ người phương Đông từ chối, kỳ thị văn hoá phương Tây. Từ chỗ kỳ thị, người phương Đông đang dần chấp nhận văn hoá phương Tây. Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông là những dẫn chứng. Trong khi chấp nhận các giá trị mới, các dân tộc vẫn có ý thức giữ gìn các giá trị truyền thống của dân tộc mình.

Việc phát triển kinh tế và chấp nhận những giá trị mới mà vẫn giữ được các giá trị tinh thần truyền thống là một công việc rất khó khăn. Có thể lấy những vấn đề của chúng ta làm dẫn chứng. Ngay từ đầu thế kỷ XX, các đô thị ở nước ta đã bị Âu hoá. Lối sống phương Tây tràn vào đô thị nước ta đã làm cho các giá trị truyền thống của dân tộc bị đe dọa và có những giá trị đã thay đổi. Ngày nay, khi mà xu thế hội nhập khu vực và quốc tế của chúng ta ngày càng lớn thì không ít thanh niên đã bị ảnh hưởng mạnh mẽ của thị hiếu thẩm mỹ phương Tây. Họ thích nghe nhạc rock, pop, hiphop hơn ca nhạc truyền thống của dân tộc như chèo, tuồng, dân ca, hát ca trù... Họ thích đến sàn nhảy hơn là đến các nhà hát truyền thống. Họ chải tóc, nhuộm tóc, ăn mặc theo trào lưu mới. Như vậy, khi các cá nhân hay các nhóm xã hội này tiếp nhận các giá trị văn hoá mới, họ đã không có ý thức về giữ gìn văn hoá của dân tộc mình. Để khẳng định bản sắc của một đất nước, ở đây ý thức quốc gia có một vai trò quan trọng. Các dân tộc chấp nhận các giá trị mới để giúp mình phát triển, song vẫn luôn ý thức làm thế nào để gìn giữ và nối tiếp được các giá trị truyền thống trong dòng chảy của thời gian.

4. Mối quan hệ giữa ý thức cộng đồng, ý thức dân tộc và ý thức quốc gia

Ý thức cộng đồng dòng họ, ý thức cộng đồng làng bản, ý thức dân tộc (tộc người) và ý thức quốc gia luôn luôn có quan hệ và tác động qua lại với nhau. Ở trong mỗi con người có thể đều tồn tại tất cả các loại ý thức trên. Tuy thuộc vào các hoàn cảnh cụ thể mà mỗi loại ý thức trên được bộc lộ ra rõ hơn. Trong đời sống sinh hoạt hàng ngày nhất là khi giải quyết các công việc lớn của các gia đình như: cưới xin, ma chay, ốm đau, bệnh tật, chia sẻ những khó khăn vui buồn... thì ý thức cộng đồng dòng họ được thể hiện nhiều hơn. Khi

giải quyết những công việc chung của cộng đồng làng xã như: lễ hội, bão lụt, thiên tai, dựng nhà văn hoá, nhà rồng và cả những việc như cưới xin, ma chay của các gia đình thì ý thức cộng đồng làng xã được thể hiện rõ hơn. So với ý thức cộng đồng dòng họ và ý thức cộng đồng làng xã thì ý thức tộc người và ý thức quốc gia (ý thức dân tộc) dường như thể hiện ở mức độ khiêm tốn hơn. Ý thức dân tộc và ý thức quốc gia được thể hiện rõ khi lợi ích của dân tộc, quốc gia bị đe dọa, khi dân tộc có những ngày lễ lớn như các ngày lễ, ngày tết. Các dân tộc thiểu số ở nước ta ngoài các ngày lễ chung của đất nước mỗi dân tộc có một số ngày lễ riêng. Đây là dịp để các dân tộc củng cố tinh thần cộng đồng và sự cố kết của dân tộc mình. Việc tổ chức các ngày lễ của các dân tộc đã phản ánh ý thức tộc người rõ nét. Đó là ý thức để khẳng định bản sắc và vị thế của tộc người mình trong cộng đồng quốc gia.

Từ góc độ của Tâm lý học dân tộc, chúng ta cần phân tích về sự ảnh hưởng lẫn nhau của các dạng ý thức này như thế nào. Từ mối quan hệ: *Cộng đồng dòng họ - Cộng đồng làng xã - Cộng đồng dân tộc - Cộng đồng quốc gia* chúng ta có các dạng ý thức: *ý thức về dòng họ của mình (ý thức về chúng tôi) - ý thức về cộng đồng làng xã của mình (ý thức về chúng ta) - ý thức về tộc người mình - ý thức về quốc gia, đất nước mình*. Ở đây lại xuất hiện một khía cạnh tâm lý dân tộc khác tương ứng: *Tình cảm chúng tôi - Tình cảm chúng ta - Tình cảm tộc người - Tình cảm đất nước*. Có thể nói đây là 4 mức độ từ thấp đến cao về phạm vi của ý thức và tình cảm.

Điều đáng quan tâm là sự chịu ảnh hưởng của các dạng ý thức này như thế nào. Nếu ý thức cộng đồng dòng họ được đặt lên trên ý thức cộng đồng làng xã, ý thức dân tộc, ý thức quốc gia thì sẽ dẫn tới sự cục bộ, phe phái và có thể ảnh hưởng đến sự ổn định của cộng đồng làng xã. Khi ý thức tộc người được đặt lên trên cả ý thức quốc gia và lợi ích tộc người đặt lên trên lợi ích quốc gia thì có thể dẫn tới tư tưởng ly khai của các tộc người. Chẳng hạn, dân tộc Rumani đã ly khai khỏi Nam Tư để thành lập nhà nước Kosôvô.

Điều quan trọng là trong các chính sách về dân tộc, trong quan hệ và hợp tác giữa các dân tộc của một quốc gia làm thế nào để bốn dạng ý thức này nằm trong một sự thống nhất, hỗ trợ cho nhau, không mâu thuẫn và đối lập với nhau.

Giải quyết mối quan hệ và xây dựng một mối quan hệ hài hoà giữa ý thức cộng đồng dòng họ, ý thức cộng đồng làng xã, ý thức dân tộc và ý thức quốc gia là nhiệm vụ quan trọng của Nhà nước. Mối quan hệ này có liên hệ trực tiếp đến sự ổn định của đất nước và an ninh quốc gia. Đây là nhiệm vụ phức tạp và khó khăn, đòi hỏi Nhà nước phải có một chính sách dân tộc đúng đắn, một chính sách đại đoàn kết dân tộc hợp lý.